

TAND
TP TN
TỈNH TN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2024/DS-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TAND TP TN, TỈNH TN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Tấn Phát;
- Bà Phạm Thị Kim Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Lan - Thư ký TAND tp TN, tỉnh TN.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:**
Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở TAND tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 479/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48a/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Thông báo dời phiên tòa số: 07/TB-TA ngày 17 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 9/3 hẻm 11, đường TNV, khu phố M, phường N, tp TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh L: Anh LPY, sinh năm 1995; địa chỉ: Số nhà 08 hẻm 20 đường HTP, khu phố Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, tp TN, tỉnh TN. Hợp đồng ủy quyền số: 5207, quyền số: 27/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16-10-2023 tại văn phòng công chứng Nguyễn Thị Đào; địa chỉ: Số 30 đường Đặng Ngọc Chinh, khu phố M, phường 3, tp TN, tỉnh TN.

Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1974 và bà Trịnh Thị Minh T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 2/3 hẻm 11, đường TNV, khu phố M, phường N, tp TN, tỉnh TN.

Anh LPY có mặt; bà L vắng mặt; ông D, bà T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2023, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh LPY trình bày:

Bà L và bà T là chị em ruột cùng mẹ khác cha, ông D là chồng của bà T nên bà L có cho vợ chồng ông D, bà T vay tiền như sau:

Ông D, bà T làm ăn với bà Nguyễn Thị L1 là doanh nghiệp làm ăn với ông D và ông D nợ số tiền 527.000.000 đồng. Ông D, bà T không có tài sản để thế chấp cho bà Nguyễn Thị L1, nên nhờ bà L đứng ra nhận nợ thay với bà L1 theo hợp đồng và giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 492926; vào sổ cấp GCN: CS 10292 do bà Nguyễn Thị Thanh L đứng tên.

Sau đó ông D lập một hợp đồng vay tiền không đề ngày tháng năm với bà L để vay bà L số tiền 527.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Trong Điều 2 của hợp đồng vay ghi: Thời hạn vay, phương thức thanh toán:

“1. Thời hạn vay 06 (sáu) tháng. Tính từ ngày 27-01-2022.

2. Phương thức ...”.

Ông Trần Văn D ký tên ghi họ, tên và lấn tay tại Bên B.

Nay ra tòa, bà L yêu cầu vợ chồng ông D trả cho bà L số tiền nợ 527.000.000 đồng, Bà L yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay 27-01-2022 cho đến ngày xét xử. Bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà T. Đồng ý khấu trừ 03 tháng lãi 1%/tháng bà L đã nhận với số tiền 15.810.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tòa nên không có lời trình bày.

Bà Trịnh Thị Minh T trình bày: Bà thống nhất với bà L về lời khai chị em cùng mẹ khác cha với bà L.

Trước đây, ông D có thuê đất của bà để làm xưởng sản xuất, gia công hạt điều từ năm 2018 đến năm 2020 thì ông D không còn thuê đất. Việc ông D thuê đất, mua bán hạt điều với bà Nguyễn Thị L1 bà hoàn toàn không biết vì bà không giao dịch mua bán với bà L1. Bà T khẳng định không phải vợ ông D như lời trình bày của bà L, bà không ký bất kỳ giấy vay nào liên quan đến số tiền 527.000.000 đồng. Nay ra tòa, bà T không đồng ý cùng ông D trả số nợ nêu trên.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tp TN, tỉnh TN:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 463; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L về việc yêu cầu ông Trần Văn D trả số tiền vay gốc: 527.000.000 đồng; lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 27-01-2022.

Đình chỉ yêu cầu về việc bà L khởi kiện yêu cầu bà T cùng trả nợ.

Ông Trần Văn D có nghĩa vụ trả nợ gốc 527.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 27-01-2022; khấu trừ lãi đã nhận 03 tháng; giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị đơn ông Trần Văn D, bà Trịnh Thị Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Trần Văn D, bà Trịnh Thị Minh T là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 527.000.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại: Số nhà 2/3 hẻm 11, đường TNV, khu phố M, phường N, tp TN, tỉnh TN. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tp TN, tỉnh TN.

[3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Văn D và bà Trịnh Thị Minh Thùy trả số tiền vay 527.000.000 đồng thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Hợp đồng vay tiền không đề ngày tháng nhưng tại Điều 2 của hợp đồng có ghi;

“1. Thời hạn vay 06 (sáu) tháng. Tính từ ngày 27-01-2022.

2. Phương thức ...”.

Ông Trần Văn D ký tên ghi họ; tên và điểm chỉ tại Bên B.

Trong hợp đồng vay tiền không có chữ ký hay điểm chỉ của bà T.

Tại kết luận giám định số: 4320/KL-KTHS ngày 20-7-2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn Danh dưới mục “Bên B” trên tài liệu giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn Danh trên tài liệu mẫu sao sánh ký hiệu M là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy có đủ cơ sở xác định chữ ký và chữ viết là

do ông Trần Văn D ký và viết ra. Hội đồng xét xử cần buộc ông D có nghĩa vụ trả số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng vay tiền.

[3.2] Nguyên đơn cung cấp “Hợp đồng vay tiền” không có chữ ký, chữ viết của bà Trịnh Thị Minh T, không chứng minh được việc ông D, bà T là vợ chồng, không chứng được số tiền vay dùng vào mục đích chung của ông D, bà T. Vì vậy Hội đồng xét xử không buộc bà Trịnh Thị Minh T có nghĩa vụ cùng ông D trả số tiền vay 527.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần khởi kiện yêu cầu khởi kiện đối với bà T và đồng ý trừ lãi 1%/tháng, đã nhận 03 tháng với số tiền 15.810.000 đồng.

[3.3] Cách tính lãi suất như sau: Ngày vay 27-01-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 28 tháng 04 ngày X 0.83%/tháng = 123.058.012 đồng. Làm tròn số 123.058.000 đồng – 15.810.000 đồng = 107.248.000 đồng.

Buộc ông Trần Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền vay gốc 527.000.000 và lãi 107.248.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà L.

Ông Trần Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.370.000 đồng.

Bà Trịnh Thị Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L đối với ông Trần Văn D về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1 Buộc ông Trần Văn D có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền nợ vay gốc 527.000.000 đồng và lãi 107.248.000 đồng. Tổng cộng tiền vay gốc và lãi là 634.248.000 (Sáu trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

1.2 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L đối với bà Trịnh Thị Minh T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí 12.540.000 (Mười hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002674 ngày 23-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự tp TN, tỉnh TN.

2.2. Ông Trần Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 29.370.000 (Hai mươi chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa